

RELATIVE PRONOUNS

I. Fill in the blank with correct word/ phrases.

who **when** **which** **whom**
where **that** **whose** **why**

1/ _____ thay thế cho danh từ chỉ người, làm túc từ cho động từ trong mệnh đề quan hệ.

2/ N (vật) + _____ + S + V / V + O

3/ _____ có thể thay thế cho vị trí của who, whom, which trong mệnh đề quan hệ quan hệ xác định.

4/ _____ dùng để chỉ sở hữu cho danh từ chỉ người hoặc vật, thường thay cho các từ: *her, his, their, hoặc hình thức 's*

5/N (time) + _____ + S + V ...

6/ _____ thay thế cho danh từ chỉ người, làm chủ từ hoặc túc từ trong mệnh đề quan hệ.

7/N (reason) + _____ + S + V ...

8/ _____ thay thế từ chỉ nơi chốn, thường thay cho *there*.